

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Đào
- Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HN ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Bé P, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Ấp C, xã C1, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp C2, xã C1, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Chị P, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ, nguyên đơn chị Ngô Thị Bé P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giang. Sau khi cưới, anh chị thuê nhà sống tại nhiều nơi, sau đó về xã Cẩm Giang sống cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11-2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghi ngờ chị có quan hệ tình

cảm với người khác nên nhiều lần chửi, đuổi chị ra khỏi nhà, dùng những lời lẽ thô tục để làm nhục chị. Bạo lực gia đình thường xuyên xảy ra, anh T đánh, cắt tóc chị, hăm dọa giết chị. Từ tháng 11-2022 cho đến nay, chị thuê nhà trọ sống, vợ chồng ly thân. Trong khoảng thời gian ly thân anh T có gặp chị để xin lỗi và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị không đồng ý, thuyết phục chị không được thì anh T tiếp tục đánh chị. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, gay gắt, không thể hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung là cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 25-10-2014 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02-02-2018. Hiện cả 02 cháu đang sống với anh T, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con, chị cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được, bắt đầu từ tháng 4-2023.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị P đi làm không về nhà, thường xuyên đi chơi với bạn bè, có quan hệ tình cảm với người khác nên anh ghen. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do nóng giận nên anh có chửi, đuổi, đánh và hăm dọa giết chị P như chị P trình bày. Chị P bỏ nhà đi từ tháng 11-2022 đến nay. Anh biết sai nên anh đã xin lỗi và yêu cầu hàn gắn tình cảm nhưng chị P không đồng ý. Mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn thương vợ con, anh mong muốn gia đình được đoàn tụ. Anh không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung như chị P trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh yêu cầu chị P cấp dưỡng theo quy định pháp luật nhưng anh không có yêu cầu cụ thể mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, chị P được ly hôn với anh T; giao các cháu Nguyễn Kim Ngân, sinh ngày 25-10-2014 và cháu Nguyễn Minh Trí, sinh ngày 02-02-2018 cho anh T nuôi dưỡng, chị P cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được, bắt đầu từ tháng 4-2023; tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị Bé P và bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Bé P và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị P yêu cầu ly hôn do anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, anh T ghen nên nhiều lần chửi, đánh, đuổi chị ra khỏi nhà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị ly thân từ tháng 11-2022 đến nay, anh T nhiều lần yêu cầu đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng hay xảy ra cãi nhau do anh ghen, anh có đánh, đuổi chị ra khỏi nhà vì nóng giận. Nhưng sau đó, anh đã biết sai và yêu cầu đoàn tụ nhưng chị P không đồng ý. Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn thương vợ con, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng anh T có hành vi bạo lực gia đình, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung là cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 25-10-2014 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02-02-2018. Anh T có yêu cầu nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị P cấp dưỡng nhưng không yêu cầu mức cấp dưỡng là bao nhiêu. Chị P đồng ý giao cả 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được, bắt đầu từ tháng 4-2023. Thỏa thuận của anh chị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Bé P với anh Nguyễn Văn T. Chị P được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 25-10-2014 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02-02-2018 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến

khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được, bắt đầu từ tháng 4-2023.

Chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị P không thực hiện việc cấp dưỡng, thì hàng tháng chị P còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0025122 ngày 13-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị P còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Cẩm Giang (126/2014);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Văn